TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HSST
Ngày: 06-5-2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Liêu
Ông Nguyễn Mạnh Dũng

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Bùi Quốc Hải – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Khắc Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 20/2019/HSST ngày 12 tháng 3 năm 2019. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐXXST – HS ngày 24 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

1. Nguyễn Đình L (Tên gọi khác: Đ), sinh năm 1992 tại Vũng Tàu

Nơi cư trú: Khu phố TX, thị trấn TB, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị P; bị cáo có vợ và 01 người con sinh năm 2013.

Tiền án: 03

- Ngày 26/10/2012 bị Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đăk Nông xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản"

- Ngày 14/11/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xử phạt 15 tháng tù về tội "Hủy hoại tài sản"

- Ngày 18/8/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xử phạt 12 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 30/12/2014 bị Công an huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xử phạt số tiền 7.500.000 đồng về hành vi "Kinh doanh hàng cấm" đã chấp hành

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/11/2018 cho đến nay (Có mặt).

2. Bùi Trung D, sinh năm 1994 tại Bình Phước.

Nơi cư trú: T3, xã MH, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo:

Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn K và bà Phan Thị L; Tiền án: không

Tiền sự: 01

- Ngày 13/3/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng ra quyết định đưa và cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/11/2018 cho đến nay (Có mặt).

- *Bị hại:* Nguyễn Tiến N, sinh năm 1997 (Vắng mặt, đã có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 1, xã MH, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Phạm Yến N1, sinh năm 2003 (Vắng mặt)

Địa chỉ: T3, xã Đ10, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

2. Ngô Thị Huyền N1, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn TN, xã ĐN, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- *Người làm chứng:*

1. La Văn Q, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn TP, xã ĐL, huyện Đạ Tẻl, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 20/11/2018 bà Nguyễn Thị N2 có nhờ Bùi Trung D đến gặp Nguyễn Tiến N và T (chưa rõ nhân thân lai lịch) để tác động N và T khai theo ý của bà N2 về vụ án " mua bán trái phép chất ma túy" do ông Kiên chồng bà N2 thực hiện. Sau đó, D đến gặp N nhưng N không đồng ý khai báo theo yêu cầu của bà N2. Đến tối ngày 23/11/2018 L và D gặp Doanh Thiên T tại xã Bom Bo. Trong lúc nói chuyện thì T có nói là "bà N2 dạo này tào lao quá, ăn nói luyên thuyên quá. Tao nghe bà N2 nói ngoài Tòa rằng tụ thằng N và không khai theo ý bà ấy là bà ấy kêu T Tày ra cắt cổ tụ nó, để mai tao ra gặp bà ấy với thằng N xem sao và gặp cả thằng T luôn". Nghe vậy, D nói với T là bà N2 có nhờ D hẹn gặp T để nói chuyện nhưng D chưa kịp nói với T. L nghe vậy liền nói với T "thôi để mai em ra cho, anh ở nhà đi". Đếm 11 giờ ngày 24/11/2018 L điện thoại cho D để nhờ chở về xã Bom Bo. Trên đường đi D hỏi L "Anh không đi gặp thằng N để nói chuyện cho anh T à" . L nghe vậy thì nói "mày chở tao đi gặp nó". D chở L đi đến phòng trọ N đang thuê để ở và làm tiệm sửa xe. Khi đến nơi L ngồi tại ghế đá còn D đi vào tiệm để tìm gặp N. Khi N vừa đi ra cửa phòng thì gặp D. D nói với L "Thằng N nè anh" L nói với N "mày đi lên đây anh nói chuyện", nghe vậy N vừa đi vào phòng vừa nói "để em đi lấy cái điện thoại đã" thì L nói "thôi khỏi mày" và đi lại khoác vai N kéo N đi ra ngoài. Lúc ngày, Nguyễn Tấn Kha vừa chạy xe mô tô hiệu Suzuki "sport" của N đến. L nói N "Hôm bữa mày có lên Tòa nói cái gì liên quan đến anh T không?", N trả lời "không có" D hỏi lại "Chắc không", N nói "chắc" L Liền đá vào xe mô tô của Kha vừa chạy đến nói với D" mày mượn chiếc xe này chở anh và thằng N lên nhà nghỉ nói chuyện. Do thấy thái độ

hung dữ của L và D nên N không dám phản ứng gì mà ngồi lên xe. Khi đến cây xăng Duy kỳ cả ba vào đổ xăng sau đó L cầm lái và chạy thẳng lên nhà nghỉ "Ngọc Hà" tại thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Tới nơi L dẫn N vào thẳng phòng trọ số 3 của nhà nghỉ "Ngọc Hà. Khi vào nhà nghỉ còn có Hoàng Ngọc Hai, Ngô Thị Huyên N1 và Lê Văn Q đang thuê nghỉ tại đây.

Khi vào phòng, L hỏi N "Mày lên Tòa có nói gì về anh T không và để hình sự và ma túy dí anh vậy" N trả lời "Không" khi nghe N trả lời như vậy thì L dùng chân đá vào người N và nói "Mày biết tao là ai không" N nói "em có nghe anh D nói là anh Đen" L bắt N ngồi xuống nên nhà để nói chuyện. Sau đó D đi ra khỏi phòng và điện thoại cho bà N2 "Con hỏi thiệt bà bà có nói gì liên quan đến anh T không chứ ở đây thằng N kêu không nói" bà N2 nói "Tao lớn chứ không phải con nít tao không có nói, bây giờ mày hỏi thằng N xem bữa sau lên Tòa nói khai như thế nào". D nói lại với L "bà N2 bảo hỏi thằng N xem bữa sau lên Tòa nó khai như thế nào?" Lúc này L bảo D tìm điện thoại để ghi âm lại. D mượn điện thoại của chị N1 rồi yêu cầu N nói để ghi âm lại. Sau đó N nói "Tôi có gọi điện thoại cho một người đàn ông nhưng không biết là ai chỉ biết là ông già, không biết ông Kiên là ai, sau khi đến nhà thì Hiếu mang hàng ra cho tôi" Sau đó N gọi điện thoại và mở máy ghi âm cho bà N2 nghe. Sau khi ghi âm xong D và L chở N đi về nhà.

Vật chứng vụ án: 01 điện thoại AVIO (Cơ quan CSĐT Công an huyện Bù Đăng đã ra quyết định xử lý vật chứng trả cho chủ sở hữu hợp pháp).

01 file ghi âm nói chuyện giữa L, D và N, một file hình ảnh trích xuất từ cây xăng Duy Kỳ.

Trách nhiệm dân sự: Bị can L đã bồi thường cho bị hại và bị hại không có yêu cầu gì.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến về vật chứng đã bị thu giữ.

Tại bản cáo trạng số: 22/CT –VKS - BĐ ngày 11/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo Nguyễn Đình L và Bùi Trung D về " Tội giữ người trái pháp luật" theo Khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát khẳng định nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình L và Bùi Trung D phạm " Tội giữ người trái pháp luật"; về hình phạt,

Áp dụng Khoản 1 Điều 157, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình L từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 157, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Bùi Trung D từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tù.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Về án phí buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Bị cáo Nguyễn Đình L và Bùi Trung D thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo ăn năn hối cải xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Bù Đăng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Ngày 24/11/2018 Nguyễn Đình L và Bùi Trung D đã có hành vi cưỡng ép anh Nguyễn Tiến N lên xe mô tô đi từ nhà anh N về nghà nghỉ "Ngọc Hà" thuộc thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Tại nhà nghỉ Ngọc Hà các bị cáo đã có hành vi uy hiếp đánh đập anh N để tra hỏi anh N về những vấn đề trái pháp luật.

Từ phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Nguyễn Đình L và Bùi Trung D đã phạm vào " Tội giữ người trái pháp luật", quy định tại Khoản 1 Điều 157 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Điều 157. Tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật

1. Người nào bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 377 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Như vậy, nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, gây nguy hại rất lớn cho xã hội, xâm phạm đến quyền tự do của công được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra hành vi của các bị cáo còn làm mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo Nguyễn Đình L đã có 03 tiền án, bị cáo không lấy đó làm bài học mà còn tiếp tục phạm tội, thể hiện tính coi thường pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Đình L có tình tiết "tái phạm nguy hiểm" được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo Bùi Trung D không có tình tiết tăng nặng nào.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s

Khoản 1 Điều 51 Bộ Luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo Nguyễn Đình L đã tác động người nhà bồi thường khắc phục hậu quả nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Bùi Trung D còn có tình tiết phạm tội lần đầu thuộc tru7o

Sau khi cân nhắc mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo và tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử thấy cần xử các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho bị hại, bị hại không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Quan điểm xử lý vụ án của Đại diện Viện kiển sát tham gia phiên tòa về hình phạt là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình L và Bùi Trung D phạm " Tội giữ người trái pháp luật".

Áp dụng Khoản 1 Điều 157, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h Điều 52 Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/11/2018.

Áp dụng Khoản 1 Điều 157, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Bùi Trung D 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/11/2018

[2] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Bùi Trung D và Nguyễn Đình L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Bình Phước.
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

Lê Thành Long